TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn và bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986.

HKTT trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại: Đài Loan – Trung Quốc. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lưu Nam C**, sinh năm 1982.

HKTT và nơi cư trú cuối cùng: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn H**, SN 1957. Địa chỉ : Thôn Q, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Nam C được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 31/12/2004. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc

đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, anh C không tu trí làm ăn dẫn đến nợ nần, vợ chồng bất đồng quan điểm. Năm 2019 chị đi xuất khẩu lao động, anh C cũng bỏ đi làm ăn không liên lạc với chị và gia đình. Vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Lưu Nam C theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Lưu Duy Th, sinh ngày 13/02/2006; Lưu Thị Thanh Tr, sinh ngày 04/02/2011 và Lưu Gia B, sinh ngày 18/12/2014. Hiện nay cháu Th đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Con chung Lưu Thanh Trúc và Lưu Gia B đang ở với ông bà ngoại. Chị có nguyện vọng được nuôi con, tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng cho con. Trong thời gian chị không ở Việt Nam, chị ủy quyền cho bố đẻ là ông Nguyễn Xuân Hgiao nhận các văn bản tại Tòa án và nuôi con cho chị trong thời gian chị ở nước ngoài.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh C không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, con chung của chị H, anh C là Lưu Thị Thanh Tr và Lưu Gia B đều có nguyện vọng được ở với mẹ và ông bà ngoại.

Tại lời khai của ông Lưu Như Q là bố đẻ anh C thể hiện: Anh C đi làm ăn xa được khoảng 4 năm, hiện không có mặt tại địa phương. Trong suốt thời gian đi làm, anh C không liên lạc về gia đình và gia đình không biết anh C ở đâu. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên ông không thông tin được cho anh C nên anh C không có quan điểm ly hôn, con chung và tài sản chung đối với yêu cầu ly hôn của chị H. Ông Quý xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh C xảy ra khoảng 4 năm, ở nước ngoài chị H có quan hệ ngoài vợ chồng với người khác, không quan tâm đến gia đình. Nay chị H có đơn ly hôn, gia đình xác định việc ly hôn do anh C, chị H tự quyết định. Gia đình ông không có ý kiến gì.

Tại lời khai của ông Nguyễn Xuân H(bố đẻ của chị Nguyễn Thị H) thể hiện: Chị H đi Đài Loan-Trung Quốc lao động khoảng năm 2019, từ khi đi chị H về Việt Nam 1 lần. Từ lâu anh C không liên lạc về gia đình ông. Hiện tại các con của chị H, anh C do ông đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông đồng ý nhận ủy quyền của chị H về việc nuôi dưỡng cháu ngoại và giao nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi các đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Nam C có thời gian dài sống ở địa phương, vợ chồng sinh được 3 người con, do kinh tế khó khăn chị H đi nước ngoài lao động, còn anh C ở địa phương sau đó đi làm ăn xa. Nay chị H có đơn ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các đương sự và quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị H, anh Lưu Nam C và ông Nguyễn Xuân Hvắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình

bày. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng, niêm yết công khai và thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn giấu địa chỉ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ, Điều 147, Điều 180 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lưu Nam C. Về con chung: Giao con chung Lưu Thị Thanh Tr, sinh ngày 04/02/2011 và Lưu Gia B, sinh ngày 18/12/2014 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng.Trong thời gian chị H không ở Việt Nam, tạm giao con chung cho ông Nguyễn Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Anh Lưu Nam C có địa chỉ cuối cùng ở thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và gia đình anh C không cung cấp được địa chỉ, không thông tin được cho anh C. Nên có thể coi anh C thay đổi địa chỉ nơi cư trú mới, do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, đăng trên cổng thông tin điện tử của Tòa án về thời gian, địa điểm giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H với anh C theo quy định tại khoản 3 Điều 177, Điều 179 và Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh C vắng mặt lần thứ hai, chị H, ông Hát có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]Về nội dung:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Nam C kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 31/12/2004 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do làm ăn kinh tế bị thua lỗ, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019, hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Anh Lưu Nam C không thể hiện quan điểm bằng văn bản, không liên lạc về gia đình, tuy nhiên thông

qua xác minh tại địa phương cũng như gia đình hai bên thì HĐXX thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C chị H đã trầm trọng, vợ chồng không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lưu Nam C là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Nam C có 03 con chung là Lưu Duy Th, sinh ngày 13/02/2006; Lưu Thị Thanh Tr, sinh ngày 04/02/2011 và Lưu Gia B, sinh ngày 18/12/2014. HĐXX xét thấy, tại thời điểm xét xử cháu Th đã trưởng thành, chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Đối với cháu Trúc, cháu Bảo hiện đang được ông bà ngoại chăm sóc, các cháu được học tập và phát triển tốt, anh C từ lâu không liên lạc về gia đình, không có trách nhiệm với các con. Mặc dù chị H ở nước ngoài nhưng hàng tháng vẫn gửi tiền lo cho các con ăn học nên có căn cứ tiếp tục giao cháu Trúc, cháu Bảo cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị H không ở Việt Nam tạm gia cháu Trúc, cháu Bảo cho ông Nguyễn Xuân Hchăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng cho con, như vậy là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự, nguyện vọng của con chung và các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Trường hợp anh C có căn cứ cho rằng người kia không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí thông báo trên phương tiện thông tiện thông tin đại chúng và không đề nghị Toa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 58, 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Khoản 3 Điều 177; Điều 179; Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị H** ly hôn anh **Lưu Nam C.**

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lưu Thị Thanh Tr, sinh ngày 04/02/2011 và Lưu Gia B, sinh ngày 18/12/2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Lưu Nam C phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở anh Lưu Nam C thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong thời gian chị Nguyễn Thị H không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung Lưu Thị Thanh Tr và Lưu Gia B cho ông Nguyễn Xuân Hchăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000422 ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Lưu Nam C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết, bản án được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, bản án được đăng trên cổng thông tin điện tử của Tòa án theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Bn, huyện B (để ghi sổ hộ tịch);*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân